

TỔNG CÔNG TY VIỆT THĂNG - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các Công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài Chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 06 năm 2017.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: TVT
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 210.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3896 9337 – 3896 0543
- Fax : 028 3896 9319

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các căng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý điều hành trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Điều Chí Hảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Thủy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022

Ban Quản lý điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2020
Ông Lê Nguyễn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (không chuyên trách)	Bổ nhiệm ngày 01/08/2009
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/02/2022
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 25/02/2022
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/12/2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Minh – Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN QUANG MINH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Số: 208/2026/BCKTHN-HCM.01074

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
Người được uỷ quyền
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÙI VĂN BÔNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0177-2023-009-1

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		961.955.021.287	924.665.080.944
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	333.069.411.821	197.056.104.685
Tiền	111		303.069.411.821	197.056.104.685
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238.779.989.772	201.485.262.792
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	228.394.164.991	199.200.887.692
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.322.731.447	7.680.341.961
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	3.322.035.564	3.862.975.369
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(9.258.942.230)	(9.258.942.230)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	368.484.005.930	515.042.375.673
Hàng tồn kho	141		376.986.660.407	525.374.478.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.502.654.477)	(10.332.103.165)
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.621.613.764	9.081.337.794
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	3.182.904.407	1.868.244.756
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.391.657.056	5.249.984.741
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	12.047.052.302	1.963.108.297
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.357.552.971	410.804.248.562
Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000	110.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	60.000.000	110.000.000
Tài sản cố định	220		283.600.650.257	325.601.122.388
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	278.940.097.505	325.252.300.388
Nguyên giá	222		1.717.075.764.232	1.723.375.142.564
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.438.135.666.727)	(1.398.122.842.176)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	4.660.552.752	348.822.000
Nguyên giá	228		6.497.840.508	1.721.142.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.837.287.756)	(1.372.320.808)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	43.070.683.620	41.326.728.653
Nguyên giá	231		112.047.647.563	105.192.051.769
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(68.976.963.943)	(63.865.323.116)
Tài sản dở dang dài hạn	240		292.400.000	4.620.197.700
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	292.400.000	4.620.197.700
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.491.374.653	13.053.069.597
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.2	4.891.374.653	8.453.069.597
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.3	4.600.000.000	4.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.842.444.441	26.093.130.224
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	7.842.444.441	25.757.342.961
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	335.787.263
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.306.312.574.258	1.335.469.329.506

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		728.730.763.868	769.670.075.428
Nợ ngắn hạn	310		694.839.357.121	710.658.762.338
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	97.471.536.264	120.964.665.547
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.519.898.602	11.885.073.349
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.557.538.019	9.126.674.739
Phải trả người lao động	314		57.786.249.821	34.804.943.465
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.582.353.529	4.157.257.047
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	14.459.331.708	13.144.000.154
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	491.587.768.316	511.875.906.802
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng và phúc lợi	322		4.874.680.862	4.700.241.235
Nợ dài hạn	330		33.891.406.747	59.011.313.090
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	18.289.640.318	31.691.233.444
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	15.498.989.410	27.320.079.646
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		102.777.019	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		577.581.810.390	565.799.254.078
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	577.581.810.390	565.799.254.078
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quý đầu tư phát triển	418		60.392.509.459	59.042.458.985
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		250.956.792.221	235.828.996.188
LNST chưa phân phối năm trước	421a		221.225.425.844	220.470.606.189
LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.731.366.377	15.358.389.999
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		53.169.781.437	57.865.071.632
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.306.312.574.258	1.335.469.329.506

HOÀNG THỊ THỦY VÂN
Người lập

DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG MINH

Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.604.355.922.012	1.708.116.410.135
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		961.383.780	802.609.083
Doanh thu thuần	10	6.1	1.603.394.538.232	1.707.313.801.052
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.379.510.993.130	1.499.617.867.136
Lợi nhuận gộp	20		223.883.545.102	207.695.933.916
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.471.952.359	7.328.803.230
Chi phí tài chính	22	6.4	26.320.195.801	39.418.965.965
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		23.859.500.937	31.806.412.119
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.561.694.944)	455.605.696
Chi phí bán hàng	25	6.5	19.280.462.834	20.356.929.562
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	136.505.689.925	125.370.565.021
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		46.687.453.956	30.333.882.294
Thu nhập khác	31	6.7	5.655.928.597	2.358.450.928
Chi phí khác	32		300.019.708	450.281.626
Lợi nhuận khác	40		5.355.908.889	1.908.169.302
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.043.362.845	32.242.051.596
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		15.114.097.381	9.339.066.596
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		438.564.282	1.118.989.333
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.490.701.182	21.783.995.667
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.231.366.377	23.758.389.999
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.740.665.195)	(1.974.394.332)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	1.859	1.099

HOÀNG THỊ THUY VÂN
Người lập

DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		52.043.362.845	32.242.051.596
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	6.8	63.970.313.786	95.402.274.668
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		8.844.160.673	7.150.996.243
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	04	6.3	(369.473.492)	(896.303.347)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.204.318.530)	(2.533.541.191)
Chi phí lãi vay	06	6.4	23.859.500.937	31.806.412.119
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		147.143.546.219	163.171.890.088
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(46.313.928.668)	17.082.636.528
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		148.387.818.431	(30.171.291.347)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(17.035.088.150)	(141.273.860.749)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		16.600.238.869	(2.920.995.972)
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.829.751.865)	(31.830.041.580)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(19.432.098.809)	(1.353.544.119)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(479.080.243)	(1.957.445.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		205.041.655.784	(29.252.652.471)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(17.053.178.807)	(20.070.095.395)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		569.048.531	637.845.377
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	109.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		615.769.999	3.135.815.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.868.360.277)	92.703.565.015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	935.986.684.043	1.088.685.935.080
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(968.199.125.168)	(1.090.566.220.796)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.173.241.450)	(21.480.071.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(54.385.682.575)	(23.360.357.216)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		134.787.612.932	40.090.555.328
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	5.1	197.056.104.685	156.362.612.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.225.694.204	602.936.891
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	333.069.411.821	197.056.104.685

HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập

DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm: Công ty mẹ là Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con là Công ty Cổ phần May Việt Thắng, Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An và các công ty liên doanh, liên kết là Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I, Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 09 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài Chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bóng, xơ, sợi, vải và sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tổng Công ty

Danh sách các công ty con; công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty Cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%
- Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%
- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%
- Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại quần áo thời trang	35,00%	18,29%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.437 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.495 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016 ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016 ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 13 năm
Phương tiện vận tải	03 – 08 năm
Thiết bị quản lý	03 – 07 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa	05 – 25 năm

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.447.588.830	539.255.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	301.621.822.991	196.516.848.745
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
	333.069.411.821	197.056.104.685

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4,75%/năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 4,1%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản tiền gửi tiết kiệm này được cầm cố cho khoản vay của Tổng Công ty – Xem thêm mục 5.15.1.

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I (1)	6.028.821.867	2.745.290.911	6.028.821.867	6.314.041.484
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh (2)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng (3)	1.646.505.000	2.146.083.742	1.646.505.000	2.139.028.113
	16.675.326.867	4.891.374.653	16.675.326.867	8.453.069.597

- (1) Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300787331 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 20/02/2012. Tổng Công ty sở hữu 50,00% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I.
- (2) Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305386118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 18/12/2007. Tổng Công ty sở hữu 20,00% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh.
- (3) Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312527930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 30/10/2013. Tổng Công ty sở hữu 18,29% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong năm

- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh: đã tạm ngưng hoạt động từ ngày 08 tháng 08 năm 2022 theo Quyết định phá sản 1198/2022/QĐ-TBPS ngày 08/08/2022 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tại ngày đầu năm	8.453.069.597	7.997.463.901
Lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	(3.380.579.394)	603.791.146
Cổ tức đã nhận	(181.115.550)	(148.185.450)
Tại ngày cuối năm	4.891.374.653	8.453.069.597

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.096.258.389	3.361.278.099
Doanh thu cho thuê	369.525.120	309.702.080
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Chi phí dịch vụ khác	14.801.413.342	21.446.184.906

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	3.600.000.000	-	(*)	3.600.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Phong Việt	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)
	4.600.000.000	-		4.600.000.000	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	4.295.688.860	4.261.532.052
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Thanh Quang	16.262.209.506	15.881.420.991
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	25.087.711.881	27.509.679.018
Công ty TNHH Vải Sợi Việt Hưng	16.469.226.605	775.060.000
Lever Style Limited	19.346.857.333	15.551.003.365
Công ty TNHH T.M.G	4.016.765.626	3.751.094.156
Các khách hàng khác	142.915.705.180	131.471.098.110
	228.394.164.991	199.200.887.692

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I				
- Phải thu về cổ tức	1.130.922.000	(1.130.922.000)	1.130.922.000	(1.130.922.000)
- Phải thu khác	8.026.698	-	13.924.815	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng - Phải thu về cổ tức	315.000.000	-	283.500.000	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về cổ tức	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	788.086.866	-	1.354.628.554	-
	3.322.035.564	(1.130.922.000)	3.862.975.369	(1.130.922.000)

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	110.000.000	-
	60.000.000	-	110.000.000	-

5.5 Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	31/12/2025		Thời gian quá hạn	01/01/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu thương mại						
Các đối tượng khác						
Công ty TNHH Thương mại Phó Nghiệp Thành	> 3 năm	7.854.352.473	-	> 3 năm	7.854.352.473	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết	> 3 năm	273.667.757	-	> 3 năm	273.667.757	-
Phải thu khác - Bên liên quan						
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	> 3 năm	1.130.922.000	-	> 3 năm	1.130.922.000	-
		9.258.942.230	-		9.258.942.230	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tại ngày đầu năm	9.258.942.230	9.258.942.230
Trích lập, (hoàn nhập) dự phòng trong năm	-	-
Tại ngày cuối năm	9.258.942.230	9.258.942.230

TỔNG CÔNG TY VIỆT THĂNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	17.874.573.018	-	13.834.779.279	-
Nguyên vật liệu	127.173.182.914	(1.721.256.522)	159.539.725.596	(3.603.229.332)
Công cụ và dụng cụ	233.684.386	-	85.319.520	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.035.679.380	-	73.346.633.198	-
Thành phẩm	189.937.588.010	(6.781.397.955)	275.756.825.173	(6.728.873.833)
Hàng hóa	67.014.977	-	146.258.350	-
Hàng gửi đi bán	2.664.937.722	-	2.664.937.722	-
	376.986.660.407	(8.502.654.477)	525.374.478.838	(10.332.103.165)

Giá trị hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng là 83.617.868.874 VND – Xem thêm mục 5.15.1.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tại ngày đầu năm	10.332.103.165	8.619.841.763
Trích lập, (hoàn nhập) dự phòng trong năm	(1.829.448.688)	1.712.261.402
Tại ngày cuối năm	8.502.654.477	10.332.103.165

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Bảo hiểm rủi ro tài sản	-	661.217.275
Công cụ, dụng cụ	3.046.762.404	321.645.476
Chi phí khác	136.142.003	885.382.005
	3.182.904.407	1.868.244.756

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ, dụng cụ	4.225.834.585	20.128.719.786
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.616.609.856	647.817.774
Chi phí khác	-	4.980.805.401
	7.842.444.441	25.757.342.961

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	243.646.705.344	1.462.386.239.285	15.649.424.852	1.692.773.083	1.723.375.142.564
Tăng trong năm	6.765.856.574	2.167.011.747	450.000.000	2.698.634.807	12.081.503.128
Thanh lý trong năm	-	(18.380.881.460)	-	-	(18.380.881.460)
Tại ngày 31/12/2025	250.412.561.918	1.446.172.369.572	16.099.424.852	4.391.407.890	1.717.075.764.232
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	181.224.795.257	1.203.950.248.469	11.823.241.242	1.124.557.208	1.398.122.842.176
Khấu hao trong năm	10.041.260.973	46.597.160.912	1.385.214.465	370.069.661	58.393.706.011
Thanh lý trong năm	-	(18.380.881.460)	-	-	(18.380.881.460)
Tại ngày 31/12/2025	191.266.056.230	1.232.166.527.921	13.208.455.707	1.494.626.869	1.438.135.666.727
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	62.421.910.087	258.435.990.816	3.826.183.610	568.215.875	325.252.300.388
Tại ngày 31/12/2025	59.146.505.688	214.005.841.651	2.890.969.145	2.896.781.021	278.940.097.505

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.119.125.695.178 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 1.067.233.970.283 VND).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 143.894.897.563 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 169.060.142.849 VND).

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2025	1.721.142.808
Tăng trong năm	4.776.697.700
Tại ngày 31/12/2025	6.497.840.508
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2025	1.372.320.808
Khấu hao trong năm	464.966.948
Tại ngày 31/12/2025	1.837.287.756
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2025	348.822.000
Tại ngày 31/12/2025	4.660.552.752
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>	
Tại ngày 01/01/2025	1.139.772.808
Tại ngày 31/12/2025	1.139.772.808

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.10 Tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2025	105.192.051.769
Tăng từ XDCB	6.855.595.794
Tại ngày 31/12/2025	112.047.647.563
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2025	63.865.323.116
Khấu hao trong năm	5.111.640.827
Tại ngày 31/12/2025	68.976.963.943
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2025	41.326.728.653
Tại ngày 31/12/2025	43.070.683.620

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:

Tại ngày 01/01/2025	36.304.849.375
Tại ngày 31/12/2025	41.128.689.375

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	59.499.620.191	39.314.985.153
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	14.757.178.714	9.544.630.975

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2025	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào BĐS đầu tư	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định					
- Phần mềm Bravo ERP	4.620.197.700	156.500.000	(4.776.697.700)	-	-
- Trạm TBT 1500KVA (trạm VT19)	-	1.499.915.600	(1.499.915.600)	-	-
- Thiết bị đo lưu lượng nén khí	-	292.400.000	-	-	292.400.000
- Máy móc thiết bị khác	-	2.421.153.207	(2.421.153.207)	-	-
Xây dựng cơ bản					
- Công trình xây dựng nhà để xe	-	3.800.570.000	(3.800.570.000)	-	-
- Lắp đặt hệ thống PCCC	-	4.152.792.872	(1.067.067.500)	(3.085.725.372)	-
- Công trình khác	-	5.668.089.496	(1.898.219.074)	(3.769.870.422)	-
	4.620.197.700	17.991.421.175	(15.463.623.081)	(6.855.595.794)	292.400.000

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	15.547.880.558	15.547.880.558	16.000.354.149	16.000.354.149
Các tổ chức và cá nhân khác				
Lufeng Co., Ltd.	7.036.615.394	7.036.615.394	294.704.967	294.704.967
Cotonificio Albini S.P.A	6.807.086.799	6.807.086.799	38.832.790.802	38.832.790.802
Marzotto Lab Srl	5.855.875.263	5.855.875.263	3.951.912.899	3.951.912.899
Lever Style Limited	2.364.316.945	2.364.316.945	10.533.795.092	10.533.795.092
Kangwal Polyester Co., Ltd	4.664.486.787	4.664.486.787	5.090.024.930	5.090.024.930
Thai Rayon Public Co., Ltd	4.111.954.052	4.111.954.052	4.185.414.516	4.185.414.516
Công ty TNHH Tinh Bột Tân Việt Đức	1.779.840.000	1.779.840.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	49.303.480.466	49.303.480.466	42.075.668.192	42.075.668.192
	97.471.536.264	97.471.536.264	120.964.665.547	120.964.665.547

5.12.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, (phải thu) Nhà nước

	01/01/2025		Số phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp / đã hoàn VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	570.839.097	-	47.391.837.009	(47.397.708.440)	564.967.666	-
Thuế XNK	-	-	269.667.572	(278.005.140)	-	(8.337.568)
Thuế TNDN	8.178.785.721	(56.461.850)	15.114.097.381	(19.432.098.809)	3.860.784.293	(56.461.850)
Thuế thu nhập cá nhân	374.685.601	(1.912.725)	2.512.672.111	(3.171.519.179)	63.118.243	(349.192.435)
Thuế tài nguyên	2.364.320	-	-	(2.364.320)	-	-
Tiền thuê đất	-	(1.904.733.722)	20.655.103.465	(30.383.430.192)	-	(11.633.060.449)
Thuế khác	-	-	286.396.936	(217.729.119)	68.667.817	-
	9.126.674.739	(1.963.108.297)	86.229.774.474	(100.882.855.199)	4.557.538.019	(12.047.052.302)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% đối với hoạt động chính, là 5% với hoạt động khác, là 0% với mặt hàng xuất khẩu, và không thuế suất đối với hoạt động không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I – Cổ tức	200.000.000	160.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Cổ tức	4.927.500.000	3.942.000.000
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	893.888.631	1.477.282.411
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	12.148.878	-
Cổ tức phải trả	6.033.782.050	5.177.898.500
Nhận đặt cọc, ký quỹ	1.171.445.000	1.377.802.667
Lãi phải trả	440.517.695	412.526.297
Các khoản phải trả khác	780.049.454	596.510.279
	14.459.331.708	13.144.000.154

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.289.640.318	6.694.002.651
Các khoản phải trả khác	10.000.000.000	24.997.230.793
	18.289.640.318	31.691.233.444

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.14.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các cá nhân và các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	474.846.730.700	474.846.730.700	488.622.492.567	488.622.492.567
Nợ vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.15.2	16.741.037.616	16.741.037.616	23.253.414.235	23.253.414.235
	491.587.768.316	491.587.768.316	511.875.906.802	511.875.906.802

(*) Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2025	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn – Ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	273.154.726.843	482.964.060.137	(460.333.260.532)	295.785.526.448
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	179.186.573.526	290.579.653.949	(363.459.394.160)	106.306.833.315
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	8.821.339.178	131.373.081.419	(78.716.663.459)	61.477.757.138
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (4)	27.343.602.970	26.223.153.741	(42.290.142.912)	11.276.613.799
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cộng Hòa	116.250.050	-	(116.250.050)	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	4.844.966.973	(4.844.966.973)	-
	488.622.492.567	935.984.916.219	(949.760.678.086)	474.846.730.700

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(**) Chi tiết phát sinh về các khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	01/01/2025	Số tiền vay đã trả trong năm	Chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay USD					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3.126.299.759	(3.104.229.468)	-	(22.070.291)	-
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	12.597.191.752	(12.627.191.752)	10.040.000.000	-	10.010.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.504.610.144	(1.504.610.144)	1.483.682.491	-	1.483.682.491
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6.025.312.580	(6.025.312.400)	5.247.354.945	-	5.247.355.125
	23.253.414.235	(23.261.343.764)	16.771.037.436	(22.070.291)	16.741.037.616

(*) Thông tin về số dư các khoản vay ngắn hạn, chi tiết như sau:

	Thời hạn	Mục đích vay	Lãi suất năm	31/12/2025	01/01/2025
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	06 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	4,6% – 6,7%	295.785.526.448	273.154.726.843
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	06 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,0% – 7,75%	106.306.833.315	179.186.673.526
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	06 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	4,6% – 5,2%	61.477.757.138	8.821.339.178
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (4)	12 tháng	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	11.276.613.799	27.343.602.970
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cộng Hòa	12 tháng	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	-	116.250.050
				474.846.730.700	488.622.492.567

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (1) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025: 8.988.346.422 VND (tại ngày 01/01/2025: 16.244.949.735 VND).
- (2) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025: 257.718.225 VND (tại ngày 01/01/2025: 1.117.107.187 VND).
- (3) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025: 7.682.345.855 VND (tại ngày 01/01/2025: 3.695.816.244 VND).
- (4) Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và các hợp đồng thuê đất của Công ty Cổ phần may Việt Thắng.

5.15.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn	32.240.027.026	32.240.027.026	50.573.493.881	50.573.493.881
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(16.741.037.616)	(16.741.037.616)	(23.253.414.235)	(23.253.414.235)
	15.498.989.410	15.498.989.410	27.320.079.646	27.320.079.646

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	01/01/2025	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn – Ngân hàng					
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	15.475.055.400	4.949.947.200	-	(10.040.000.000)	10.385.002.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	2.549.357.101	-	-	(1.483.682.491)	1.065.674.610
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	9.295.667.145	-	-	(5.247.354.945)	4.048.312.200
	27.320.079.646	4.949.947.200	-	(16.771.037.436)	15.498.989.410

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiết của các khoản vay dài hạn như sau:

	Thời hạn Năm	Mục đích vay	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Vay USD					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án		-	3.126.299.759
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án	7,4 - 7,6%	20.395.002.600	28.072.247.152
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	05	Đầu tư tài sản bổ sung các máy móc thiết bị sợi	7,6%	2.549.357.101	4.053.967.245
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	05	Phát hành tín dụng chứng từ trả ngay L/C và tài trợ vốn hoàn vốn tự có để thực hiện dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị của nhà máy sợi	9,5%	9.295.667.325	15.320.979.725
Tổng cộng				32.240.027.026	50.573.493.881
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả					
	Thời hạn Năm		Lãi suất năm		
Vay USD					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01			-	(3.126.299.759)
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01		7,4 - 7,6%	(10.010.000.000)	(12.597.191.752)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01		7,6%	(1.483.682.491)	(1.504.610.144)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01		9,5%	(5.247.355.125)	(6.025.312.580)
Tổng cộng				(16.741.037.616)	(23.253.414.235)
Tổng cộng vay dài hạn phải trả				15.498.989.410	27.320.079.646

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (1) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025: 88.685.318.779 VND (tại ngày 01/01/2025: 103.759.193.741 VND).
- (2) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025: 10.168.850.820 VND (tại 01/01/2025: 11.851.286.968 VND).
- (3) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025: 28.112.317.462 VND (tại 01/01/2025: 32.391.804.370 VND).

5.16 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2024	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	242.430.972.214	61.329.749.019	575.865.907.491
Lãi trong năm	-	-	-	23.758.389.999	(1.974.394.332)	21.783.995.667
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(960.366.025)	(535.658.055)	(1.496.024.080)
Chia cổ tức 2023	-	-	-	(21.000.000.000)	(954.625.000)	(21.954.625.000)
Tạm chia cổ tức 2024	-	-	-	(8.400.000.000)	-	(8.400.000.000)
Số dư 31/12/2024	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	235.828.996.188	57.865.071.632	565.799.254.078
Số dư 01/01/2025	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	235.828.996.188	57.865.071.632	565.799.254.078
Lãi trong năm	-	-	-	40.231.366.377	(3.740.665.195)	36.490.701.182
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(653.519.870)	-	(653.519.870)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.350.050.474	(1.350.050.474)	-	-
Chia cổ tức 2024	-	-	-	(12.600.000.000)	(954.625.000)	(13.554.625.000)
Tạm chia cổ tức 2025	-	-	-	(10.500.000.000)	-	(10.500.000.000)
Số dư 31/12/2025	210.000.000.000	3.062.727.273	60.392.509.459	250.956.792.221	53.169.781.437	577.581.810.390

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 các cổ đông Công ty mẹ đã góp đủ vốn.

	31/12/2025			01/01/2025		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	46,93%	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53,07%	11.145.000	111.450.000.000	53,07%
	21.000.000	210.000.000.000	100,00%	21.000.000	210.000.000.000	100,00%

5.16.3 Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 47/NQĐHCGĐ-TVT ngày 08 tháng 05 năm 2025 và tạm ứng chi trả cổ tức lần 1 năm 2025 cho cổ đông theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 10 năm 2025 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	653.519.870
• Chia cổ tức còn lại năm 2024	12.600.000.000
• Tạm ứng cổ tức năm 2025	10.500.000.000
	23.753.519.870

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ**

	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	8.352.791,04	3.873.432,67

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	1.359.120.468.357	1.519.684.542.839
Doanh thu bán hàng hóa	58.331.802.602	43.110.343.130
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.602.755.260	83.693.527.715
Doanh thu bán phế liệu	21.801.275.602	22.313.011.298
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	59.499.620.191	39.314.985.153
	1.604.355.922.012	1.708.116.410.135
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	(16.306.399)
Giảm giá hàng bán	(21.782.400)	-
Hàng bán bị trả lại	(939.601.380)	(786.302.684)
Doanh thu thuần	1.603.394.538.232	1.707.313.801.052

Trong đó doanh thu với các bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.096.258.389	3.361.278.099
- Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	369.525.120	309.702.080

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn thành phẩm	1.193.231.326.677	1.351.462.441.625
Giá vốn hàng hóa	57.231.425.960	43.424.512.506
Giá vốn cung cấp dịch vụ	96.558.482.565	73.517.554.717
Giá vốn phế liệu	19.562.027.902	19.956.465.911
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	14.757.178.714	9.544.630.975
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.829.448.688)	1.712.261.402
	1.379.510.993.130	1.499.617.867.136

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền lãi chậm thanh toán	37.683.781	198.720.124
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	195.143.026	1.895.695.814
Cổ tức được chia	454.500.000	283.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.415.152.060	4.054.583.945
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ	369.473.492	896.303.347
	8.471.952.359	7.328.803.230

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	23.859.500.937	31.806.412.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.460.694.864	7.612.553.846
	26.320.195.801	39.418.965.965

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.072.116.029	2.294.892.407
Chi phí hoa hồng	6.621.939.274	7.155.366.974
Cước vận chuyển	4.211.806.268	3.901.747.505
Chi phí bán hàng khác	6.374.601.263	7.004.922.676
	19.280.462.834	20.356.929.562

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	78.011.578.478	70.570.786.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.171.030.234	3.861.702.239
Thuế, tiền thuế đất	8.584.609.128	14.771.486.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	44.738.472.085	36.166.589.509
	136.505.689.925	125.370.565.021

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	437.048.531	637.845.377
Thu tiền bồi thường	102.072.772	380.735.290
Thu nhập khác	5.116.807.294	1.339.870.261
	5.655.928.597	2.358.450.928

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	40.231.366.377	23.758.389.999
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty			
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	VND	(1.197.673.486)	(671.780.740)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	39.033.692.891	23.086.609.259
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	1.859	1.099

(*) Căn cứ tỷ lệ dự kiến theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 47/NQĐHCĐ-TVT ngày 08 tháng 05 năm 2025, số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2025 là 3% trên lợi nhuận sau thuế của báo cáo riêng Công ty mẹ.

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	58.533.331.209	59.879.297.355
Chi phí nguyên vật liệu	836.216.651.712	950.876.519.217
Chi phí nhân công	243.337.323.515	243.019.561.234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.970.313.786	95.402.274.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	303.052.229.120	317.684.641.949
	1.505.109.849.342	1.666.862.294.423

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	935.986.684.043	1.088.685.935.080
	935.986.684.043	1.088.685.935.080

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	968.199.125.168	1.090.566.220.796
	968.199.125.168	1.090.566.220.796

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.183.647.189.305	1.157.756.178.940	419.747.348.927	549.557.622.112	1.603.394.538.232	1.707.313.801.052
Chi tiêu vốn	19.385.998.922	20.849.628.509	-	-	19.385.998.922	20.849.628.509
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản của bộ phận	1.306.312.574.258	1.335.469.329.506	-	-	1.306.312.574.258	1.335.469.329.506



9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.5 và khoản đầu tư được trình bày tại mục 5.2.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Các khoản vay	491.587.768.316	15.498.989.410	507.086.757.726
Phải trả người bán	97.471.536.264	-	97.471.536.264
Chi phí phải trả	3.582.353.529	-	3.582.353.529
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.553.294.199	18.289.640.318	31.842.934.517
	606.194.952.308	33.788.629.728	639.983.582.036
Ngày 01 tháng 01 năm 2025			
Các khoản vay	511.875.906.802	27.320.079.646	539.195.986.448
Phải trả người bán	120.964.665.547	-	120.964.665.547
Chi phí phải trả	4.157.257.047	-	4.157.257.047
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.666.737.743	31.691.233.444	43.357.971.187
	648.664.567.139	59.011.313.090	707.675.880.229

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

- Tổng Công ty đang thế chấp tài sản cố định, hàng tồn kho, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.2 ; 5.6 ; 5.8; và
- Tổng Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác là tiền nhận đặt cọc có tổng giá trị là 9.461.085.318 VND.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	220.266.144.761	191.072.867.462	220.266.144.761	191.072.867.462
Phải thu khác	2.084.925.836	2.570.684.775	2.084.925.836	2.570.684.775
Các khoản đầu tư, cho vay	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	333.069.411.821	197.056.104.685	333.069.411.821	197.056.104.685
	562.020.482.418	397.299.656.922	562.020.482.418	397.299.656.922

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	507.086.757.726	539.195.986.448	507.086.757.726	539.195.986.448
Phải trả người bán	97.471.536.264	120.964.665.547	97.471.536.264	120.964.665.547
Chi phí phải trả	3.582.353.529	4.157.257.047	3.582.353.529	4.157.257.047
Các khoản phải trả khác	31.842.934.517	43.357.971.187	31.842.934.517	43.357.971.187
	639.983.582.036	707.675.880.229	639.983.582.036	707.675.880.229

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
Hội đồng Quản trị	Chức vụ		
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	140.000.000	128.000.000
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Chủ tịch HĐQT	902.105.000	856.193.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	96.000.000	88.000.000
Ông Điều Chí Hào	Thành viên	102.000.000	94.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	102.000.000	94.000.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ban Kiểm soát	Chức vụ		
Bà Vũ Thị Thủy Dương	Trưởng ban	102.000.000	94.000.000
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	253.956.000	240.876.000
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	275.450.863	292.102.464
Ban Quản lý điều hành	Chức vụ		
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	916.577.347	984.471.661
Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	466.857.861	581.683.705
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	668.847.382	795.596.391
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	508.792.000	458.280.000
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	648.856.058	776.724.775

10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh đã được trình bày tại mục 6.1, giữa Tổng Công ty với các bên liên quan còn có các giao dịch như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	10.840.500.000	13.797.000.000
Chi phí dịch vụ khác	203.603.175	-
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		
Thu tiền cho vay	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Chi phí dịch vụ khác	14.801.413.342	21.446.184.906

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4, 5.12, và 5.14.

10.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập**DIỆP QUỐC BÌNH**
Kế toán trưởng**NGUYỄN QUANG MINH**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026